

# BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



## CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600355393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 07/05/2004, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 19/05/2017)

### ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

#### TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Địa chỉ: Phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: (+84)2083 863 694 Fax: (+84)2083 863 118

Website: [www.fomeco.vn](http://www.fomeco.vn) Mail: [Info@fomeco.vn](mailto:Info@fomeco.vn)

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: **Ông Hà Thế Dũng**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty

Điện thoại: (+84)2083 863 694 Fax: (+84)2083 863 118

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600355393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 07/05/2004, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 19/05/2017)

## ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HÀ NỘI



Tên cổ phiếu:	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng đăng ký:	3.700.000 cổ phiếu
Tổng giá trị đăng ký:	37.000.000.000 đồng

## TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Địa chỉ:	Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà số 165 Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại:	(84-24) 6 2670491/92/93
Fax:	(84-24) 6 2670494
Website:	<a href="http://vae.com.vn">http://vae.com.vn</a>

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	3
<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>5</b>
<b>II. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>5</b>
<b>III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH .....</b>	<b>6</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	6
1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch .....	6
1.2 Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch:.....	7
1.3 Lịch sử hình thành và phát triển .....	8
1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ.....	9
2. Cơ cấu tổ chức công ty .....	10
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty .....	11
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	15
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần tại thời điểm 20/03/2017.....	15
4.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/03/2017.....	15
4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.....	16
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của FOMECO, những công ty mà FOMECO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với FOMECO .....	16
5.1 Công ty mẹ của FOMECO.....	16
5.2 Công ty con của FOMECO .....	16
5.3 Công ty liên kết của FOMECO.....	16
6. Hoạt động kinh doanh.....	16
6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty .....	16
6.2 Doanh thu, lợi nhuận qua các năm.....	17
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	18
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015, 2016 .....	18
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty .....	19
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	19
8.1 Vị thế của công ty trong ngành.....	19
8.2 Triển vọng phát triển của ngành .....	19
8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới. ....	20

<b>9.</b>	<b>Chính sách đối với người lao động</b> .....	<b>20</b>
9.1	Tình hình lao động.....	20
9.2	Chính sách đối với người lao động.....	21
9.3	Mức lương bình quân.....	22
<b>10.</b>	<b>Chính sách cổ tức</b> .....	<b>22</b>
<b>11.</b>	<b>Tình hình hoạt động tài chính</b> .....	<b>22</b>
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	23
11.1.1	Trích khấu hao Tài sản cố định.....	23
11.1.2	Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	23
11.1.3	Các khoản phải nộp theo luật định.....	23
11.1.4	Trích lập các quỹ theo luật định.....	23
11.1.5	Tổng dư nợ vay.....	23
11.1.6	Tình hình công nợ hiện nay.....	24
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	25
<b>12.</b>	<b>Tài sản</b> .....	<b>25</b>
<b>13.</b>	<b>Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức</b> .....	<b>28</b>
13.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức.....	28
13.2	Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức:.....	28
<b>14.</b>	<b>Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh</b> .....	<b>30</b>
<b>15.</b>	<b>Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty</b> .....	<b>31</b>
<b>16.</b>	<b>Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu</b> .....	<b>31</b>
<b>IV.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>31</b>
1.	Hội đồng quản trị.....	31
2.	Ban kiểm soát.....	37
3.	Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.....	41
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	44
<b>V.</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH</b> .....	<b>45</b>
<b>VI.</b>	<b>PHỤ LỤC</b> .....	<b>45</b>

## I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CỦA BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Tổ chức đăng ký giao dịch

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hà Thế Dũng**

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### Tổ chức tư vấn

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Đức Tiến**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản thông tin tóm tắt này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản thông tin tóm tắt này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên cung cấp.

## II. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty/FOMEKO	:	<b>Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên</b>
CTCP	:	Công ty cổ phần
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên
VĐL	:	Vốn điều lệ
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BGD	:	Ban Điều hành
BKS	:	Ban Kiểm soát

CBCNV	:	Cán bộ nhân viên
Giấy CNĐKKD	:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BCTC KT	:	Báo cáo tài chính kiểm toán
VND	:	Đồng Việt Nam

### **III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH**

#### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

##### **1.1 Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch**

- Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên**
- Tên tiếng Anh: **Pho Yen Mechanical Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **FOMECO**
- Vốn điều lệ: **37.000.000.000 đồng**
- Vốn điều lệ thực góp: **37.000.000.000 đồng**
- Trụ sở chính: **Phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên**
- Điện thoại: **02083863694**
- Fax: **02083863118**
- Website: **<http://fomeco.vn>**

- Logo của Công ty:



- Giấy chứng nhận ĐKKD: 4600355393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 07/05/2004, cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 19/05/2017
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 13/04/2017
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Thế Dũng – Giám đốc Công ty
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:
  - Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe
  - Hoạt động thiết kế chuyên dụng (thiết kế phụ tùng xe máy, ô tô, con lăn, băng lái)

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (máy khai khoáng, xây dựng)
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (sản xuất vòng bi, dụng cụ cầm tay)
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển (cân đĩa, cân treo)
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy,
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô)
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
- Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Thu gom rác thải không độc hại
- Thu gom rác thải độc hại
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại
- Tái chế phế liệu (kim loại, phi kim loại – không bao gồm nhập khẩu các loại phế liệu, phế thải gây ô nhiễm môi trường)
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

## 1.2 Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch:

- Tên chứng khoán: **Cổ phiếu Công ty Cơ khí Phổ Yên**
- Loại chứng khoán Cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: FBC
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần)
- Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 3.700.000 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 20/03/2017, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần Công ty.

### 1.3 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMEKO) được thành lập ngày 19/10/1974 theo Quyết định thành lập số 283/QĐ/TCNSĐT của Bộ trưởng Bộ công nghiệp nặng.

- **Năm 1974** : Công ty được thành lập ngày 19/10/1974 theo Quyết định của Bộ công nghiệp nặng với tên gọi là “Nhà máy vòng bi”
- **Năm 1996** : Ngày 06/01/1996, nhà máy đổi tên thành “Nhà máy Cơ khí Phổ Yên” thuộc Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) – Bộ công nghiệp
- **Năm 2002** : Tháng 04/2002, nhà máy được đổi tên thành “Công ty Cơ khí Phổ Yên”
- **Năm 2003** : Ngày 12/12/2003, Công ty đổi tên thành “Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên” theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) . Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000098 ngày 07/05/2004, với vốn điều lệ ban đầu là 5.467.000.000 đồng. Đến nay vốn điều lệ công ty là 37.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của công ty đặt tại phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, cách thủ đô Hà Nội khoảng 50km. Công ty có tổng diện tích là 172.000 m<sup>2</sup>, với trên 90.000 m<sup>2</sup> nhà xưởng. Nhân sự quản lý trực tiếp và gián tiếp khoảng 900 người làm việc tại 8 xí nghiệp sản xuất và 10 phòng ban, trung tâm. Công ty có 1 chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

Trải qua hơn 40 năm hoạt động, với bề dày kinh nghiệm và thành tựu, Công ty Cơ khí Phổ Yên đã tham gia cung cấp thiết bị, phụ tùng cho rất nhiều khách hàng trên toàn lãnh thổ Việt Nam và các nước trên thế giới. Công ty đã tạo được uy tín lớn trên thị trường với các sản phẩm chất lượng cao, giá cả hợp lý và không ngừng cải tiến công tác hậu mãi cũng như các dịch vụ chăm sóc khách hàng khác.

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của thị trường, công ty luôn chú trọng đến việc đầu tư thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại, có tính tự động hóa cao. Với năng lực hàng trăm thiết bị sản xuất, trong đó có trên 50% là các thiết bị có chương trình điều khiển kỹ thuật số, FOMCO tự tin có thể đáp ứng được những đòi hỏi khắt khe nhất về chất lượng từ khách hàng.

Hướng về chặng đường phát triển trong tương lai, FOMEKO luôn đặt mục tiêu là doanh



ngành hàng đầu trong lĩnh vực gia công cơ khí của Việt Nam, luôn là bạn đồng hành tin cậy góp phần vào sự thành công và phát triển của khách hàng trong và ngoài nước;

Ngày 31/08/2017, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 170/2017/GCNCP-VSD cho Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên. Theo đó, số lượng chứng khoán đăng ký là 3.700.000 cổ phiếu (Mã chứng khoán: FBC)

#### 1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thực hiện 03 lần tăng vốn để mở rộng qui mô. Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 37 tỷ đồng.

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	21/08/2008	4.033.000.000	9.500.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên nhiệm kỳ II ngày 30/08/2007 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 5,467 tỷ lên 9,5 tỷ đồng</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKKD số 1703000098 cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 02/10/2008</li> </ul>
2	19/07/2012	9.000.000.000	18.500.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên lần 5 nhiệm kỳ II ngày 29/04/2011 thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 9,5 tỷ đồng lên 18,5 tỷ đồng.</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600355393 (số cũ 1703000098) cấp thay đổi lần 5 ngày 17/08/2012</li> </ul>
3	29/01/2016	18.500.000.000	37.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên lần 4 nhiệm kỳ III ngày 27/04/2015.</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKKD số 4600355393 cấp thay đổi lần 8 ngày 11/05/2016</li> <li>- Quyết định số 5424/UBCK-TT ngày 08/08/2017 của UBCKNN</li> </ul>

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					về việc xử phạt vi phạm quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán - Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 24/08/2017 của Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên về việc nộp phạt theo Quyết định số 5424/UBCK-TT ngày 08/08/2017

Nguồn: Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty



Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

### **Trụ sở chính Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên:**

Địa chỉ: Phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: (+84)2083863694

Fax: (+84)2083863118

Trụ sở chính của Công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty, các khối nghiệp vụ của Công ty gồm 08 Trung tâm và 8 Xí nghiệp sản xuất.

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**

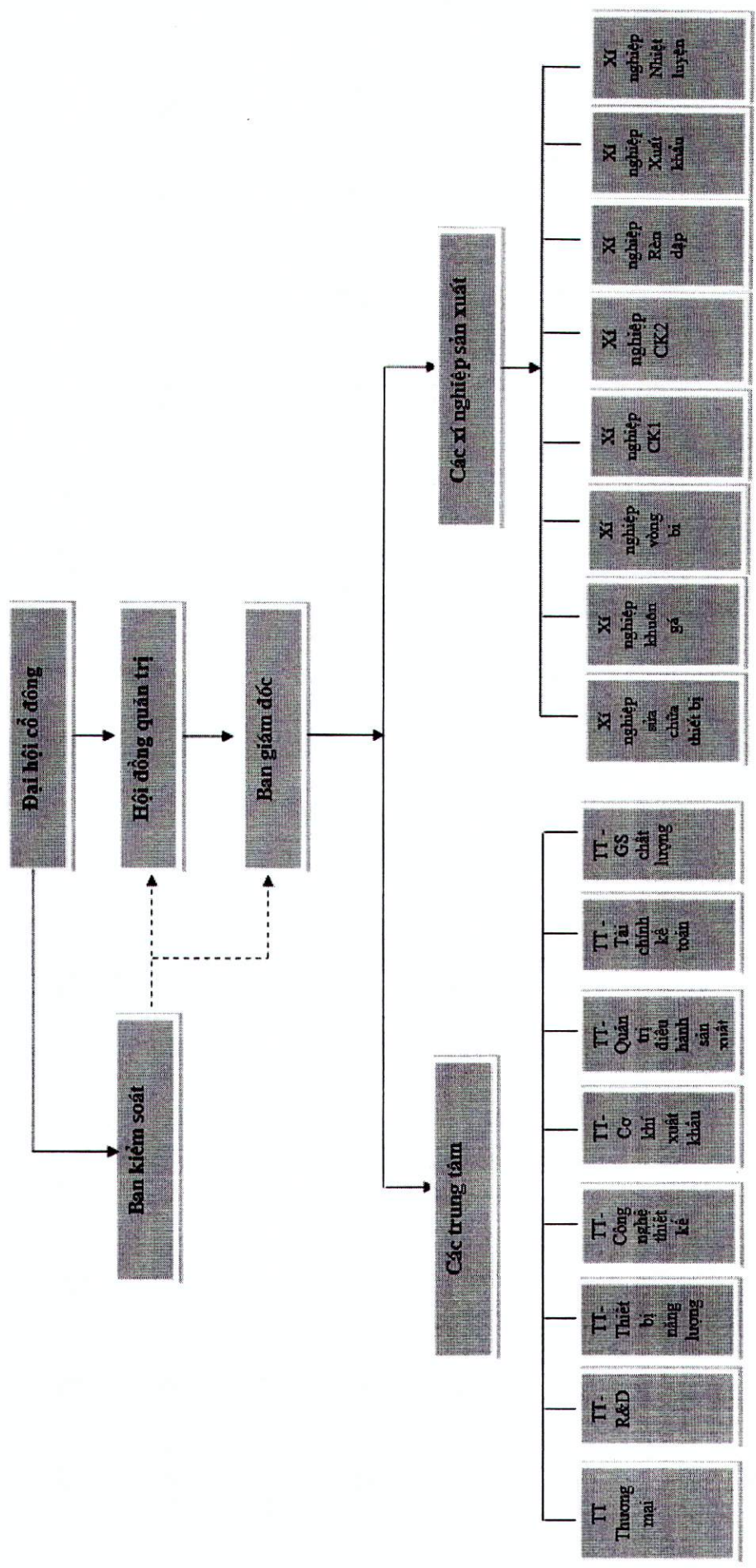
Địa chỉ: Số 9, đường 36, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 6273 1736 Fax: (84-28) 6293 2554

Công ty hiện nay không có các đơn vị hạch toán phụ thuộc cũng như các đơn vị thành viên.

**3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CP CƠ KHÍ PHỐ YÊN**



Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Nhìn chung bộ máy quản lý và điều hành Công ty đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ điều hành quản lý hoạt động SXKD đã có sự phân công trách nhiệm rõ ràng của từng bộ phận trong dây chuyền sản xuất.

❖ **Bộ máy lãnh đạo:**

• **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

• **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

• **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng Cổ đông giám sát, đánh giá công tác điều hành, quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc theo đúng qui định trong Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông; Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cung cấp mọi Hồ sơ và thông tin cần thiết liên quan đến công tác điều hành quản lý Công ty.

• **Ban Giám đốc**

Giám đốc là đại diện pháp luật của Công ty. Chịu trách nhiệm về tổ chức sản xuất điều hành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, cơ quan chủ quản theo quy định, thực hiện nghĩa vụ với người lao động theo hợp đồng đã ký.

Các Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc trực tiếp cho Giám đốc Công ty trong từng lĩnh vực đã phân công.

- **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng có nhiệm vụ phụ trách chung mọi hoạt động của phòng Kế toán – Thống kê, tham mưu cho Giám đốc về tình hình tài chính, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về toàn bộ công tác và chế độ tài chính của Công ty.

- ❖ **Các phòng ban chức năng:**

Công ty có 08 Trung tâm và 08 Xí nghiệp sản xuất.

- **Trung tâm Tài chính – Kế toán**

Phụ trách công tác tài chính kế toán; Kế toán trưởng tổ chức thực hiện công tác kế toán, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh đầu tư, giám sát tài chính, sử dụng các nguồn lực tài chính hiệu quả. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền và theo chuẩn mực kế toán của Luật kế toán.

- **Trung tâm Thương mại**

Trung tâm Thương mại phụ trách bán hàng, cung cấp vật tư, giao hàng, quản lý vật tư và hệ thống khách hàng, đồng thời có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty hoạch định, xúc tiến thương mại với các đối tác khách hàng nước ngoài và các khách hàng có vốn nước ngoài đầu tư tại Việt Nam.

- **Trung tâm Công nghệ thiết kế**

Thực hiện công tác kỹ thuật đáp ứng khách FDI, phụ tùng xe máy, vòng bi. Thiết kế kỹ thuật, công nghệ các sản phẩm cơ khí chế tạo.

- **Trung tâm Công nghệ cơ khí xuất khẩu**

Thiết kế kỹ thuật, công nghệ các sản phẩm cơ khí xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản.

- **Trung tâm Nghiên cứu và phát triển (R&D)**

Nghiên cứu phát triển công nghệ, thiết bị mới.

- **Trung tâm kỹ thuật thiết bị năng lượng**

Sửa chữa, quản lý thiết bị trong sản xuất.

- **Trung tâm Giám sát kế hoạch chất lượng**

Quản lý hệ thống chất lượng, giải quyết khiếu nại của khách hàng về chất lượng.

- **Các xí nghiệp sản xuất**

Chức năng chủ yếu của các Xí nghiệp sản xuất trực tiếp là thực hiện sản xuất sản phẩm

theo kế hoạch Công ty đề ra. Quản lý nguồn lực Công ty giao ( tài sản, vật tư, thiết bị, lao động...), phối hợp với các bộ phận chức năng trong Công ty nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, năng lượng để giảm chi phí sản xuất, giá thành xí nghiệp nhằm đạt mục tiêu chung của Công ty đề ra

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.**

**4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% trở lên vốn cổ phần tại thời điểm 20/03/2017**

Tên cổ đông	Giấy ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP (VEAM)	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/10/2010, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 24/01/2017	Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội	1.887.000	51%
Hoàng Công Toán	090114531	xã Đắc Sơn, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	508.480	13,74%
Hà Thế Dũng	091041597	Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	256.480	6,9%
Vương Đình Dũng	090552963	Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên	215.060	5,81%
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.867.020</b>	<b>77,45%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 20/03/2017)

**4.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/03/2017**

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I. Cổ đông trong nước</b>	<b>218</b>	<b>3.700.000</b>	<b>100</b>
* Cá nhân	217	1.813.000	49
* Tổ chức	1	1.887.000	51
<b>II. Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
* Cá nhân	0	0	0
* Tổ chức	0	0	0

<b>III. Cổ phiếu quỹ</b>	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>218</b>	<b>3.700.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt tại ngày 20/03/2017)

#### 4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu (07/05/2004). Do đó, đến thời điểm lập Bản công bố thông tin này, cổ phần của cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

#### 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của FOMECO, những công ty mà FOMECO đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với FOMECO

##### 5.1 Công ty mẹ của FOMECO

###### **Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP**

Địa chỉ: Lô D, Khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103866 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/10/2010, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 24/01/2017.

Vốn điều lệ đăng ký: 13.288.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 13.288.000.000.000 đồng

Số điện thoại: 84-24-62800802 Fax: 84-24-62800809

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các loại động cơ, máy nông nghiệp; sản xuất các loại linh kiện, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ; chế tạo và lắp ráp ô tô-xe máy; vận chuyển hàng hóa

Số cổ phần nắm giữ: 1.887.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ

##### 5.2 Công ty con của FOMECO

Không có

##### 5.3 Công ty liên kết của FOMECO

Không có

#### 6. Hoạt động kinh doanh

##### 6.1 Các hoạt động kinh doanh chính của Công ty

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có



động cơ và động cơ xe.

Sản phẩm chính của Công ty bao gồm: Các loại vòng bi, phụ tùng xe gắn máy, phụ tùng ô tô, các chi tiết cơ khí nói chung, con lăn, băng tải, phụ tùng cho ngành xây dựng.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp có vốn nước ngoài tại Việt Nam (FDI)
- Thị trường nội địa Việt Nam
- Xuất khẩu

Các đối tác, khách hàng truyền thống của Công ty trong những năm qua bao gồm: HONDA, YAMAHA, HILEX, HANWA, JOTO, SHOWA, SUZUKI, STANLEY, NIPPO ...

## 6.2 Doanh thu, lợi nhuận qua các năm

### Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị tính: đồng

TT	Lĩnh vực	Năm 2015		Năm 2016		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II năm 2017	
		Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)
1	Hoạt động bán hàng hóa	12.765.513.745	2,5	22.607.661.286	4,04	18.329.556.224	5,86
2	Hoạt động bán thành phẩm	496.332.090.683	97,36	536.464.728.188	95,75	294.325.364.352	94,03
3	Hoạt động cung cấp dịch vụ	716.524.529	0,14	1.215.635.017	0,22	364.329.870	0,12
<b>Tổng cộng</b>		<b>509.814.128.957</b>	<b>100</b>	<b>560.288.024.491</b>	<b>100</b>	<b>313.019.250.446</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC 6 tháng/2017 của FOMEKO

**Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Lĩnh vực	Năm 2015		Năm 2016		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II năm 2017	
		Lợi nhuận	%/DTT	Lợi nhuận	%/DTT	Lợi nhuận	%/DTT
1	Hoạt động bán hàng hóa	-691.937.214	-0,14	-3.664.024.658	-0,66	-16.794.183	-0,01
2	Hoạt động bán thành phẩm	79.722.611.229	15,64	83.603.588.015	14,95	45.352.792.635	14,49
3	Hoạt động cung cấp dịch vụ	478.083.449	0,09	542.509.100	0,1	201.308.471	0,06
<b>Tổng cộng</b>		<b>79.508.757.464</b>	<b>15,6</b>	<b>80.482.072.457</b>	<b>14,39</b>	<b>45.537.306.923</b>	<b>14,55</b>

*Nguồn: FOMEKO*

**7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015, 2016**

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II năm 2017
	Giá trị	Giá trị	% thay đổi so với năm 2015	Giá trị
Tổng giá trị tài sản	262.004.131.584	268.024.156.831	2,30%	243.458.955.416
Vốn chủ sở hữu	50.461.385.555	55.825.867.596	10,63%	65.219.394.114
Doanh thu thuần	509.587.361.210	559.340.392.105	9,76%	312.962.806.206
Lợi nhuận từ hoạt động KD	14.693.225.998	16.689.074.615	13,58%	12.009.004.982
Lợi nhuận khác	1.073.277.237	1.104.236.020	2,88%	578.339.707
Lợi nhuận trước thuế	15.766.503.235	17.793.310.635	12,86%	12.587.344.689
Lợi nhuận sau thuế	12.076.660.937	14.026.862.041	16,15%	9.997.526.518

Giá trị số sách/Cổ phiếu	13.646	15.088	10,57%	17.627
--------------------------	--------	--------	--------	--------

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC 6 tháng/2017 của FOMECO

## 7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

### a) Những nhân tố thuận lợi

- Các đơn hàng phụ tùng xe máy ổn định và có tăng trưởng đều đặn hàng năm khoảng 10%.
- Các sản phẩm mới đã xong phần chào mẫu, đánh giá chuyển sang sản xuất loạt làm tăng doanh thu tiêu thụ như hàng HONDA, HEIWA, TANAKA, SANKIN...
- Thiết bị từng bước đã đầu tư theo hướng hiện đại, tự động đáp ứng được sản xuất các phụ tùng chất lượng cao, sản lượng phù hợp.
- Uy tín, thương hiệu của FOMECO đã được khẳng định trên thị trường, với khách hàng Nhật Bản...do đó thuận lợi cho phát triển các sản phẩm cơ khí xuất khẩu.
- Hệ thống quản trị trong Công ty đã được thay đổi, củng cố, hoàn thiện và đi vào hoạt động.

### b) Những nhân tố khó khăn

- Sức ép về giảm giá, chia sẻ sản lượng đối với các sản phẩm phụ tùng xe máy rất lớn. Sự cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm xuất khẩu về giá, sản lượng, đặc biệt là hàng Trung Quốc.
- Tiêu thụ hàng nội địa có xu hướng giảm.
- Giá nguyên liệu có xu hướng tăng mạnh trong những tháng gần đây, các chính sách của Nhà nước về tăng lương, thay đổi cách tính BHXH, tiền thuê đất tăng làm tăng chi phí sản xuất, tăng giá thành, giảm lợi nhuận và lợi thế cạnh tranh.

## 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty là thiết kế, chế tạo, mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị, vòng bi, dụng cụ và các loại sản phẩm cơ khí. Uy tín, thương hiệu của FOMECO đã được khẳng định, đặc biệt với khách hàng Nhật Bản, khách hàng phụ tùng xe máy ngoài Việt Nam nên thuận lợi cho phát triển các sản phẩm cơ khí, phụ tùng xe máy xuất khẩu như: TANAKA, IKO, INDONESIA, MALAYSIA...

FOMECO là thành viên của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, có đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao và đội ngũ công nhân lành nghề, giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực chế tạo vòng bi, phụ tùng xe máy, hàng kết cấu... Công ty đã và đang là nhà cung cấp chiến lược của nhiều công ty có uy tín trong và ngoài nước như: Công ty HONDA Việt Nam, Công ty TNHH YAMAHA Việt Nam, Công ty TNHH phụ tùng xe máy ô tô SHOWA, Công ty TNHH KONISHI VIỆT NAM, Công ty TNHH điện STANLEY, Công ty VAP ...

### 8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Đóng vai trò nền tảng, ngành công nghiệp chế tạo cơ khí hiện diện hầu hết trong tất cả các

lĩnh vực kinh tế. Ngành công nghiệp này góp phần tạo nên sự phát triển mạnh mẽ của đất nước. Ngày càng có nhiều nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực gia công cơ khí. Sau gần 30 năm mở cửa, hội nhập quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các nước trên thế giới làm cho lĩnh vực này ngày càng thịnh hành mạnh hơn, phù hợp với tiêu chuẩn Quốc tế.

Trong công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, với sự phát triển của nền kinh tế hiện nay, cùng với sự đổi mới ngày càng mạnh mẽ của đất nước thì ngành công nghiệp gia công cơ khí chính xác đóng vai trò hết sức quan trọng tạo đà cho đất nước phát triển, ngoài ra còn góp phần xây dựng lên những công trình lớn, do đó ngành công nghiệp cơ khí trong thời gian tới sẽ còn thịnh hành mạnh mẽ hơn nữa và đây được xem là một ngành mũi nhọn trong tương lai.

### **8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Ngày 09/06/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 879/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2035. Trong đó, nhóm ngành Cơ khí và luyện kim thuộc công nghiệp chế biến, chế tạo được lựa chọn ưu tiên phát triển. Cụ thể “*Giai đoạn đến năm 2025, ưu tiên các nhóm ngành, sản phẩm: máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, ô tô và phụ tùng cơ khí, thép chế tạo*”. Theo đó, mục tiêu đến năm 2025 ngành cơ khí Việt Nam có khả năng cạnh tranh để phát triển trong hội nhập, có công nghệ hiện đại và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ở một số phân ngành, lĩnh vực cơ khí có khả năng cạnh tranh, đáp ứng cơ bản các yêu cầu công nghiệp hóa của đất nước và xuất khẩu. Đến năm 2035, ngành cơ khí Việt Nam được phát triển với đa số các chuyên ngành có công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Mục tiêu cụ thể, năm 2025, tỷ trọng ngành cơ khí chiếm trên 21%, đáp ứng trên 50% nhu cầu thị trường trong nước; năm 2035 chiếm 24% trong cơ cấu ngành công nghiệp và đáp ứng trên 60% nhu cầu nội địa.

Để đạt được những mục tiêu này, chiến lược mới cũng xây dựng nhiều giải pháp như: Ban hành kịp thời các chính sách thúc đẩy ngành cơ khí phát triển, bao gồm các ưu đãi về thuế, biện pháp hỗ trợ đầu tư kinh doanh; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động của ngành; nâng cao hiệu quả đầu tư và sản xuất, kinh doanh tại các nhà máy cơ khí.

Trong giai đoạn 2017 - 2025, Công ty đặt ra mục tiêu tốc độ tăng trưởng bình quân/năm của giá trị sản lượng toàn Công ty đạt khoảng 5% một năm. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển của Chính phủ và của ngành đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.

## **9. Chính sách đối với người lao động**

### **9.1 Tình hình lao động**

Tính đến thời điểm 15/03/2017, toàn Công ty có 872 lao động.

#### **Cơ cấu lao động của công ty**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Số lượng (người)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Trình độ đại học và trên đại học	156	17,9
Trình độ cao đẳng, trung cấp	703	80,6

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Sơ cấp	0	0
Lao động khác	13	1,5
<b>Tổng số</b>	<b>872</b>	<b>100%</b>

Nguồn: FOMECCO

## 9.2 Chính sách đối với người lao động

### a) Chế độ làm việc

- **Thời gian làm việc:** Công ty tổ chức làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.

Thời gian nghỉ ngơi:

- 30 phút tính vào giờ làm việc nếu làm việc liên tục ban ngày.
- 45 phút tính vào giờ làm việc nếu làm việc liên tục ban đêm.
- Đảm bảo người lao động một tuần được nghỉ một ngày trở lên.
- Người lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi không được bố trí làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm và đi công tác xa.

- **Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:** Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản theo quy định của Bộ Luật lao động, cụ thể:

- Nghỉ phép năm 12 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.
- Nghỉ phép năm 14 ngày đối với người làm công việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (lái xe...).
- Số ngày nghỉ phép được tăng theo thâm niên làm việc tại Công ty, cứ đủ 05 năm được nghỉ thêm 01 ngày, có đủ 30 năm trở lên được nghỉ thêm 06 ngày.
- Nghỉ Tết dương lịch 01 ngày; nghỉ Tết âm lịch 05 ngày; nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương 01 ngày; nghỉ lễ 30/04 01 ngày; nghỉ ngày Quốc tế lao động 01 ngày; nghỉ Quốc khánh 01 ngày.

- **Điều kiện làm việc:** Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.

### b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Công ty có xây dựng một quy chế cụ thể về chính sách đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Chính sách đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng và có sự ưu tiên theo quy

định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm, điều kiện xã hội, yêu cầu sản xuất của Công ty trong từng thời kỳ, khi cần đổi lao động thiếu nghề nào Công ty sẽ tuyển dụng nghề đó.

### c) Chính sách lương và thưởng

CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên công ty còn nhận được phụ cấp liên quan.

Việc trả lương của Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động, làm việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên người lao động không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

### 9.3 Mức lương bình quân

Năm	Đơn vị tính	2015	2016
Thu nhập bình quân	đồng/người/tháng	6.200.000	6.700.000
Tăng trưởng	%	5	8

Nguồn: FOMECO

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty được giữ mức ổn định qua các năm. Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành trên địa bàn.

### 10. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. FOMECO cũng xét tới kế hoạch và định hướng, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Tỷ lệ cổ tức trong các năm qua như sau:

	Năm 2015	Năm 2016
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	19,60%	30%
Hình thức thanh toán	Tiền mặt	Tiền mặt

Tính đến thời điểm hiện tại, FOMECO đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông. Cụ thể:

- Ngày chốt quyền nhận cổ tức: 20/3/2017
- Thời gian thanh toán: Từ ngày 05/07/2017

### 11. Tình hình hoạt động tài chính

## 11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

### 11.1.1 Trích khấu hao Tài sản cố định

Chi phí khấu hao TSCĐ của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Mức trích khấu hao được trích tối đa bằng 02 lần mức khấu hao theo đường thẳng quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:
  - o Máy móc thiết bị 03 – 7,5 năm
  - o Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn 07 năm
  - o Thiết bị, dụng cụ quản lý 04 – 05 năm
  - o Phần mềm máy tính 03 năm
  - o Nhà cửa vật kiến trúc 25 năm
  - o Tài sản khác 03 - 04 năm

### 11.1.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

### 11.1.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế theo quy định của Nhà nước.

### 11.1.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

### 11.1.5 Tổng dư nợ vay

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Vay và nợ ngắn hạn	105.020.091.310	94.699.148.075	53.399.495.158
Vay và nợ dài hạn	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC Quý II/2017 của FOMECCO

Hiện tại, Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn.

#### 11.1.6 Tình hình công nợ hiện nay

##### Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>58.598.059.907</b>	<b>63.457.936.233</b>	<b>75.156.212.882</b>
Phải thu khách hàng	55.285.424.432	60.507.228.155	67.544.483.113
Trả trước cho người bán	2.918.261.595	2.198.525.854	6.453.477.635
Phải thu khác	5.674.624.503	773.644.011	1.295.867.824
Dự phòng phải thu khó đòi	-5.280.250.623	- 21.461.787	-37.615.690
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>58.598.059.907</b>	<b>63.457.936.233</b>	<b>75.156.212.882</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC Quý II/2017 của FOMEKO

##### Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
<b>Tổng nợ ngắn hạn</b>	<b>211.542.746.029</b>	<b>210.198.289.235</b>	<b>167.945.621.911</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	63.328.908.995	59.844.292.527	64.659.620.218
Người mua trả tiền trước	10.839.737	565.822.652	393.616.694
Thuế và các khoản phải nộp NN	607.623.101	3.480.179.372	2.224.668.241
Phải trả người lao động	29.949.317.918	35.939.118.578	28.877.185.108
Chi phí phải trả	1.341.019.596	1.190.829.772	3.618.114.156
Phải trả nội bộ	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	4.715.439.227	5.300.068.774	5.719.150.603
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	105.020.091.310	94.699.148.075	53.399.495.158
Dự phòng phải trả ngắn hạn	5.752.161.568	7.011.000.412	7.011.000.412
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	817.344.577	2.167.829.073	2.042.771.321



KHOẢN MỤC	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Tổng nợ dài hạn	0	2.000.000.000	10.293.939.391
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-	8.293.939.391
<b>Tổng cộng</b>	<b>211.542.746.029</b>	<b>212.198.289.235</b>	<b>178.239.561.302</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 và BCTC Quý II/2017 của FOMECO

## 11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016
<b><u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u></b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,84	0,84
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,32	0,37
<b><u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u></b>			
Nợ/Tổng tài sản	%	80,74	79,17
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	419,22	380,11
<b><u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u></b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	3,86	4,53
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,93	2,11
<b><u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u></b>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,37	2,51
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	23,9	26,39
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,57	5,29
Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	2,88	2,98

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 của FOMECO

## 12. Tài sản

**Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016**

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	61.985.703.472	31.153.100.223	50,26
2	Máy móc, thiết bị	209.395.480.950	52.257.958.773	24,96
3	Phương tiện vận tải	15.203.104.257	2.881.037.380	18,95
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.403.006.303	238.263.935	16,98
5	TSCĐ khác	1.143.478.800	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>289.130.773.782</b>	<b>86.530.360.311</b>	<b>29,93</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2016 của FOMECO

**Giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm 30/06/2017**

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	63.805.523.290	31.519.750.539	49,40
2	Máy móc, thiết bị	215.613.901.206	49.156.887.824	22,80
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15.203.104.257	2.004.375.977	13,18
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.403.006.303	203.112.811	14,48
5	TSCĐ khác	1.143.478.800	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>297.169.013.856</b>	<b>82.884.127.151</b>	<b>27,89</b>

Nguồn: BCTC Quý II/2017 của FOMECO

**Giá trị tài sản cố định vô hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016**

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Quyền sử dụng đất	3.661.048.000	3.661.048.000	100
2	Phần mềm	168.000.000	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>3.829.048.000</b>	<b>3.661.048.000</b>	<b>95,61</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty

**Giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/06/2017**

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Quyền sử dụng đất	3.661.048.000	3.661.048.000	100
2	Phần mềm	168.000.000	0	0
	<b>Cộng</b>	<b>3.829.048.000</b>	<b>3.661.048.000</b>	<b>95,61</b>

Nguồn: BCTC Quý II/2017 của FOMEKO

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị giá trị: đồng

STT	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2016	30/06/2017
1	Sửa chữa lớn TSCĐ	10.458.000	
2	Mua sắm TSCĐ	768.057.844	505.687.588
	<b>Cộng</b>	<b>778.515.844</b>	<b>505.687.588</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC Quý II/2017 của FOMEKO

Diện tích đất đai Công ty hiện đang quản lý, sử dụng như sau:

TT	Địa chỉ thửa đất	Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn thuê
1	Thửa đất số 368, 243 tại phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	170.987	Nhà văn phòng, nhà xưởng, kho thành phẩm	Làm văn phòng và xưởng sản xuất sản phẩm	Thuê của Nhà nước, trả tiền thuê hàng năm	50 năm kể từ ngày 07/03/1997
2	Thửa đất số 532C tại xóm Âm, phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên	1.112	Nhà ở tập thể	Làm nhà ở tập thể cho cán bộ công nhân viên của Công ty	Thuê của Nhà nước, trả tiền hàng năm	50 năm kể từ ngày 07/03/1997
3	Thửa đất tại Phường 11, quận 6, TP.Hồ Chí Minh	104	Không có	Dự định xây văn phòng chi nhánh	Nhà nước cấp quyền sử dụng đất số BD 866572 cấp ngày 8/11/2011	Đất ở lâu dài
	<b>Tổng cộng</b>	<b>172.203</b>				

Nguồn: FOMEKO

### 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

#### 13.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	% tăng trưởng	Giá trị	% tăng trưởng
Vốn điều lệ	Tr.Đồng	37.000	0%	37.000	0%
Doanh thu thuần	Tr.Đồng	595.000	6,38%	624.750.	5%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.Đồng	14.000	-0,19%	14.700	5%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,35	-0,16%	2,35%	0%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	37,84	-0,07%	39,73%	1,89%
Cổ tức	%	30	0%	30	0%

Nguồn: Kế hoạch kinh doanh năm 2017, 2018 của Công ty

#### 13.2 Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận, cổ tức:

- **Khó khăn**

Năm 2017 - 2018 có nhiều sự kiện tác động đến thị trường trong nước và xuất khẩu. Nhận định tiếp tục khó khăn đối với các doanh nghiệp khi chính sách, các hiệp định thương mại của các nước lớn thay đổi, tiềm ẩn nhiều rủi ro, khó lường, thị trường Trung Quốc diễn biến phức tạp. Sức ép về giảm giá, chia sẻ sản lượng đối với các sản phẩm phụ tùng xe máy vẫn rất lớn, bình quân khoảng 4- 6%. Bên cạnh đó, tiếp tục cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm xuất khẩu về giá, sản lượng, dự kiến tổng mức giảm giá trên 8 tỷ.

Vòng đời sản phẩm mới sẽ ngắn lại, sản lượng không cao do khách hàng liên tục cải tiến, thay đổi mẫu mã; yêu cầu chất lượng phải ổn định mới đặt hàng loạt trong khi năng lực công nghệ, thiết bị công ty chưa đáp ứng được nên tác động lớn đến chiến lược sản phẩm cũng như định hướng đầu tư.

Bên cạnh đó, giá nguyên liệu tăng cao, các chính sách của nhà nước về tăng lương, thay đổi cách tính BHXH sẽ tác động làm tăng chi phí sản xuất, giá thành.

- **Thuận lợi**

Tín hiệu thị trường, đơn hàng về các sản phẩm trong cơ cấu sản phẩm tương đối khả quan, đều có tăng trưởng và phát triển mới. Hệ thống quản trị trong công ty đã được thay đổi, củng cố, hoàn thiện và đi vào hoạt động. Công ty nhiều năm ổn định và phát triển bền vững, CBCNV trong Công ty có tinh thần đoàn kết, tự lực tự cường, vượt khó, sáng tạo cùng chung mục đích xây dựng công ty phát triển. Thương hiệu và uy tín của Công ty trên thị trường và các đối tác

trong, ngoài nước càng được khẳng định và nâng cao. Thiết bị từng bước đã đầu tư theo hướng hiện đại, tự động đáp ứng được sản xuất các phụ tùng chất lượng cao, sản lượng phù hợp.

- **Các giải pháp để hoàn thành kế hoạch kinh doanh**

- Công tác thị trường

Đối với phụ tùng xe máy: Tiếp tục bổ xung thêm nguồn lực về thiết bị, ổn định, nâng cao chất lượng đảm bảo cho việc tăng sản lượng và phát triển mặt hàng mới của HONDA, YAMAHA, HILEX, MUSASHI, KYB, SHOWA...Tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu trong hệ thống của HONDA, YAMAHA. Xúc tiến xuất khẩu phụ tùng xe máy sang MALAYSIA, THÁI LAN, AN ĐỘ, INDONESIA ...

Hàng cơ khí xuất khẩu: Nâng cao chất lượng, ổn định sản lượng đối với hàng JOTO, TANAKA, HEIWA, SANKIN, FUKUVI, YAMAKIN...Mục tiêu xuất khẩu đạt 5,5 triệu USD trở lên trong năm 2017.

Đối với tiêu thụ nội địa: vòng bi, phụ tùng xe máy: Đánh giá lại nhu cầu thị trường, kiện toàn lại hệ thống đại lý, điều chỉnh linh hoạt giá bán nội địa đối với vòng bi, phụ tùng xe máy. Đa dạng hóa nguồn hàng, phương thức tiếp thị, khuyến mại. Mục tiêu vòng bi nội địa tiêu thụ từ 2 đến 3 tỷ/ tháng; phụ tùng xe máy: 1 đến 1,5 tỷ/ tháng.Tập trung vào thị trường phía Nam, Tây Nguyên.

- Công tác quản trị chất lượng, chi phí trong SXKD

Hoàn thiện hệ thống đánh giá chất lượng theo GQI tại các đơn vị, tăng cường quản trị mặt bằng, hệ thống; giảm sản phẩm NG theo giá trị: 10%; theo số lượng: 10%. Không để xảy ra lỗi thị trường đối với các khách hàng chiến lược.

Rà soát lại các chi phí trong sản xuất kinh doanh. Triển khai quyết liệt chương trình giảm chi phí đối với các sản phẩm có chi phí cao, bị lỗi và đáp ứng các yêu cầu giảm giá của khách hàng, tăng khả năng cạnh tranh trong phát triển sản phẩm mới.

- Công tác quản trị tài sản cố định

Tăng cường công tác sửa chữa thiết bị, sử dụng hiệu quả số thiết bị hiện có phát huy khả năng công nghệ của thiết bị, tăng năng xuất, giảm tỷ suất đầu tư.

Đầu tư các thiết bị mới để ổn định chất lượng, tăng sản lượng, phát triển thêm các sản phẩm mới.

- Công tác quản trị nhân lực, hoạt động cải tiến

Tiếp tục chỉnh sửa ban hành qui chế, định mức tiền lương trong toàn công ty phù hợp với

qui mô sản xuất, thiết bị, công nghệ hiện tại.

Hoàn thiện qui chế đánh giá nhân viên, cán bộ hàng tháng để trả lương, bố trí công việc, đào tạo.

Tiếp tục thực hiện việc luân chuyển lao động giữa các đơn vị, trung tâm, xí nghiệp.

Hoàn thiện, cải tiến hệ thống đào tạo đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu của sản xuất, quyền lợi của người lao động. Các đơn vị xây dựng KH đào tạo tháng, quý, năm. Đào tạo được từ 20 chuyên mục trở lên tập trung vào quản lý chất lượng, giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất.

➤ Công tác quản trị tài chính

Đảm bảo đủ vốn cho SXKD. Giảm dư nợ xuống dưới 4 lần vốn chủ.

Quản lý tốt việc mua sắm, giảm tồn kho theo mục tiêu được phê duyệt .

Tăng vòng quay tổng tài sản lên 2,2 đến 2,4 vòng/ năm;

**14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

Đầu tư bổ sung thiết bị cho việc tăng sản lượng và chất lượng các sản phẩm đang có lợi thế hiện tại như các sản phẩm cung cấp cho các doanh nghiệp FDI, sản phẩm xuất khẩu.

Đối với phụ tùng xe máy: Ổn định về chủng loại, sản lượng các mã sản phẩm đang giao cho đối tác FDI và các nhà cung cấp phụ; Đẩy mạnh việc phát triển mặt hàng mới của HVN, YAMAHA, HILEX, MUSAHI, ... cho các Model mới và chiến lược cạnh tranh về giá; Tiếp tục khai thác thị trường xuất khẩu sang Malaysia, Indonesia, Italia...; Tiếp tục đầu tư, tiếp thị, mở rộng thị trường nội địa phục vụ cho lắp ráp, thay thế, sửa chữa như nhông xích, bi bát phuộc, chân phanh...

Đối với hàng cơ khí xuất khẩu: Nâng cao chất lượng, giảm chi phí. Nâng cao khả năng cạnh tranh với hàng Trung Quốc. Tăng trưởng xuất khẩu từ 15%/năm.

Đáp ứng đủ các đơn hàng cơ khí xuất khẩu cho TANAKA, YAMAKIN, SANKIN, HEIWA.... Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Nhật Bản, Châu Âu.

Đối với thị trường nội địa: Kien toàn hệ thống đại lý, chi nhánh, quảng bá thương hiệu, tập trung vào các sản phẩm vòng bi, phụ tùng xe máy và các sản phẩm cơ khí khác.

Tập trung đầu tư phát triển thị trường, sản phẩm có chất lượng cao, hàm lượng công nghệ lớn như phụ tùng ô tô, các sản phẩm điện lạnh, giao thông.

**15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty**

Không có

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu**

Không có.

**IV. QUẢN TRI CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Lê Thu Hải	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Hà Thế Dũng	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Vương Đình Dũng	Thành viên HĐQT	Điều hành
4	Hoàng Công Toán	Thành viên HĐQT	Không điều hành
5	Lý Kiều Anh	Thành viên HĐQT	Không điều hành

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

**• Ông Lê Thu Hải – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 1) Họ và tên : **Lê Thu Hải**                      Giới tính : Nam
- 2) Ngày tháng năm sinh: 12/11/1964
- 3) Số chứng minh thư nhân dân: 011344834                      Ngày cấp: 24/11/2010  
Nơi cấp: CA TP Hà Nội
- 4) Nơi sinh : TP. Thanh Hóa
- 5) Quốc tịch: Việt Nam
- 6) Dân tộc: Kinh
- 7) Quê quán: Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
- 8) Địa chỉ thường trú: Phòng 601, Tòa nhà Veam, Lô D, khu D1, Tây Hồ, Hà Nội
- 9) Chỗ ở hiện tại: Phòng 601, Tòa nhà Veam, Lô D, khu D1, Tây Hồ, Hà Nội
- 10) Số điện thoại liên lạc: 0904060699
- 11) Trình độ văn hoá: 10/10
- 12) Trình độ chuyên môn: Đại học
- 13) Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
3/1986 đến 10/1989	Ủy ban Vật giá tỉnh Thanh Hóa	Chuyên viên Phòng giá Tư liệu sản xuất
11/1989 đến 10/1990	Sở Tài chính Vật giá Thanh Hóa	Chuyên viên Phòng Thuế nông nghiệp
10/1990 đến 12/2000	Cục Thuế Thanh Hóa	Chuyên viên Phòng nghiệp vụ Chính sách thuế
12/2000 đến 9/2003	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Chuyên viên Phòng Thị trường kinh doanh
9/2003 đến 4/2004	Công ty vận tải và thương mại Chiến Thắng (VITRANCO)	Giám đốc
6/2004 đến 11/2013	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Phó phòng Trung tâm kinh doanh
1/11/2013 đến nay	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Trưởng phòng Trung tâm kinh doanh
1/5/2015 đến nay	Công ty CP cơ khí Phổ Yên	Chủ tịch HĐQT

14) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Chủ tịch HĐQT

15) Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Trưởng phòng Trung tâm kinh doanh – Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam

16) Số cổ phần nắm giữ : 756.540 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 1.740 cổ phần
- Đại diện sở hữu cổ phần của Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP (VEAM) tại FOMECON: 754.800 cổ phần (chiếm tỷ lệ 20% vốn điều lệ của FOMECON)

17) Hành vi vi phạm pháp luật : Không

18) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

19) Các khoản nợ đối với Công ty : Không

20) Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

• **Ông Hà Thế Dũng – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc**

1) Họ và tên: **Hà Thế Dũng** Giới tính: Nam

2) Ngày tháng năm sinh: 06/02/1961

3) Số chứng minh thư nhân dân: 091041597



- 4) Ngày cấp: 02/06/2004                      Nơi cấp: CA Tỉnh Thái Nguyên
- 5) Nơi sinh: Thái Hưng, Thái Thụy, Thái Bình
- 6) Quốc tịch: Việt Nam
- 7) Dân tộc: Kinh
- 8) Quê quán: Thái Hưng, Thái Thụy, Thái Bình
- 9) Địa chỉ thường trú: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- 10) Chỗ ở hiện tại: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- 11) Số điện thoại liên lạc: 0913286840
- 12) Trình độ văn hoá: 10/10
- 13) Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- 14) Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1984 – 1986	Nhà máy cơ khí Phổ Yên	Cán bộ kỹ thuật
1986 – 1988	Phòng kỹ thuật, Quân khu 1	Trung úy
1988 – 1989	Nhà máy cơ khí Phổ Yên	Cán bộ kỹ thuật
1989 – 1993	Nhà máy cơ khí Phổ Yên	Phó Quản đốc phân xưởng
1993 – 1996	Nhà máy cơ khí Phổ Yên	Quản đốc phân xưởng
1997 – 1999	Nhà máy cơ khí Phổ Yên	Trưởng phòng kinh doanh
1999 – 2000	Nhà máy cơ khí Phổ Yên	Trợ lý giám đốc kiêm trưởng phòng kinh doanh
2000 – 2015	Công ty Cổ phần cơ khí Phổ Yên	Phó giám đốc công ty
2015 – nay	Công ty Cổ phần cơ khí Phổ Yên	Giám đốc công ty
2004 - nay	Công ty Cổ phần cơ khí Phổ Yên	Thành viên HĐQT

- 15) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- 16) Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- 17) Số cổ phần nắm giữ : 916.930 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân : 256.480 cổ phần
  - Đại diện sở hữu cổ phần của VEAM tại FOMECO : 660.450 cổ phần (chiếm tỷ lệ 18% vốn điều lệ của FOMECO)
- 18) Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 19) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- 20) Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- 21) Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không



- 3) Số chứng minh thư nhân dân: 090552963  
 Ngày cấp: 24/07/2012 Nơi cấp: CA Tỉnh Thái Nguyên
- 4) Nơi sinh: Ba Hàng, Phở Yên, Thái Nguyên
- 5) Quốc tịch: Việt Nam
- 6) Dân tộc: Kinh
- 7) Quê quán: Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội
- 8) Địa chỉ thường trú: Phường Ba Hàng, thị xã Phở Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- 9) Chỗ ở hiện tại: Phường Ba Hàng, thị xã Phở Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- 10) Số điện thoại liên lạc: 0912100914
- 11) Trình độ văn hoá: 10/10
- 12) Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- 13) Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/1978-12/1983	Công trường Xuân Mực, Như Xuân, Thanh Hóa	Công nhân nguội sửa chữa
01/1984-08/1985	Nhà máy cơ khí Phở Yên	Công nhân nguội sửa chữa
09/1985-08/1995	Nhà máy cơ khí Phở Yên	Cán sự
10/1995-09/2005	Nhà máy cơ khí Phở Yên	Phó giám đốc trung tâm
10/2005-06/2014	Công ty cổ phần cơ khí Phở Yên	Giám đốc trung tâm
07/2014 - Nay	Công ty cổ phần cơ khí Phở Yên	Phó giám đốc công ty
2004 - Nay	Công ty cổ phần cơ khí Phở Yên	Thành viên HĐQT

- 14) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty
- 15) Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- 16) Số cổ phần nắm giữ : 215.060 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 215.060 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- 17) Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 18) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- 19) Các khoản nợ đối với Công ty : Không



Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1995 - 2000	Công ty phụ tùng máy số 1	Phó giám đốc công ty
2001 - 2004	Nhà Máy cơ khí phổ yên	Giám đốc nhà máy
2005 - 5/2015	Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty
6/2015 đến nay	Nghỉ hưu	
4/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Thành viên HĐQT

14) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cơ khí Phổ Yên

15) Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

16) Số cổ phần nắm giữ : 508.480 cổ phần

- Sở hữu cá nhân : 508.480 cổ phần
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

17) Hành vi vi phạm pháp luật : Không

18) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

19) Các khoản nợ đối với Công ty : Không

20) Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

## 2. Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Ngọc Thanh	Trưởng ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Phương	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Trần Thị Thúy Hằng	Ủy viên Ban Kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

### • Ông Lê Ngọc Thanh – Trưởng Ban kiểm soát

- 1) Họ và tên: **Lê Ngọc Thanh** Giới tính: Nam
- 2) Ngày tháng năm sinh: 08/12/1988
- 3) Số chứng minh thư nhân dân: 091568044

Ngày cấp: 05/03/2010

Nơi cấp: CA Tỉnh Thái Nguyên

- 4) Nơi sinh: Bệnh viện Công ty than III, Phổ Yên, Thái Nguyên
- 5) Quốc tịch: Việt Nam
- 6) Dân tộc: Kinh
- 7) Quê quán: Triệu Sơn, Thanh Hóa
- 8) Địa chỉ thường trú: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- 9) Chỗ ở hiện tại: Phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- 10) Số điện thoại liên lạc: 0975868978
- 11) Trình độ văn hoá: 12/12
- 12) Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- 13) Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
02/2012-02/2014	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn đầu tư tài chính Châu Á	Trợ lý kiểm toán viên
05/2014- Nay	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Nhân viên kế toán
04/2017 - Nay	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Trưởng ban kiểm soát

14) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

15) Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

16) Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

• Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

• Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

17) Hành vi vi phạm pháp luật : Không

18) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

19) Các khoản nợ đối với Công ty : Không

20) Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

• **Bà Nguyễn Thị Phương – Thành viên Ban Kiểm soát**

1) Họ và tên: **Nguyễn Thị Phương** Giới tính: Nữ

2) Ngày tháng năm sinh: 20/5/1974

3) Số chứng minh thư nhân dân: 011637615

Ngày cấp: 12/9/2008

Nơi cấp: CA TP. Hà Nội

4) Nơi sinh: Hà Nội

5) Quốc tịch: Việt Nam

- 6) Dân tộc: Kinh
- 7) Quê quán: Mỹ Văn, Hưng Yên
- 8) Địa chỉ thường trú: SN 24 Ngõ Trung Yên, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- 9) Chỗ ở hiện tại: SN 24 Ngõ Trung Yên, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội
- 10) Số điện thoại liên lạc: 04.62800802 (ext: 403) - 0912010065
- 11) Trình độ văn hoá: Đại học
- 12) Trình độ chuyên môn: Chuyên viên chính
- 13) Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
11/2000-11/2003	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Nhân viên Công đoàn
12/2003-5/2015	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Chuyên viên Văn phòng Tổng hợp
6/2015 – 12/2016	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	Hàm Phó Trưởng phòng Phòng Kế hoạch sản xuất kiêm Thường trực Văn phòng Đảng ủy Cơ quan VEAM
01/2017 đến nay	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Phó Trưởng ban Kế hoạch kiêm Thường trực Văn phòng Đảng ủy Cơ quan VEAM
04/2017 đến nay	Công ty cổ phần Cơ khí Phố Yên	Thành viên Ban kiểm soát

- 14) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên Ban kiểm soát
- 15) Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Thường trực Văn phòng Đảng ủy Cơ quan Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam
- 16) Số cổ phần nắm giữ : 10.000 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần
  - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần
- 17) Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- 18) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
- 19) Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- 20) Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không





### 3. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Hà Thế Dũng	Giám đốc
2	Vương Đình Dũng	Phó Giám đốc
3	Phan Đăng Danh	Phó Giám đốc
4	Nguyễn Đức Chung	Phó Giám đốc
5	Yoshiaki Ikeda	Phó Giám đốc
6	Nguyễn Thị Hồng Thắm	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Giám đốc như sau:

- Ông Hà Thế Dũng – Giám đốc Công ty (Xem phần Thành viên Hội đồng quản trị)
- Ông Vương Đình Dũng – Phó Giám đốc Công ty (Xem phần Thành viên Hội đồng quản trị)
- Ông Phan Đăng Danh – Phó Giám đốc Công ty (Xem phần Thành viên Hội đồng quản trị)
- Ông Nguyễn Đức Chung – Phó Giám đốc Công ty

- 1) Họ và tên: **Nguyễn Đức Chung**                      Giới tính: Nam
- 2) Ngày tháng năm sinh: 20/10/1982
- 3) Số chứng minh thư nhân dân: 090826653  
Ngày cấp: 21/05/2010                      Nơi cấp: CA Tỉnh Thái Nguyên
- 4) Nơi sinh: Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên
- 5) Quốc tịch: Việt Nam
- 6) Dân tộc: Kinh
- 7) Quê quán: Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên
- 8) Địa chỉ thường trú: Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên
- 9) Chỗ ở hiện tại: Phường Bãi Bông, thị xã Phổ Yên, Tỉnh Thái Nguyên
- 10) Số điện thoại liên lạc: 0913448884
- 11) Trình độ văn hoá: 12/12
- 12) Trình độ chuyên môn: Cử nhân Công nghệ hóa học
- 13) Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2004-03/2008	Công ty TNHH Bút chì Mitsubishi Việt Nam	Kỹ sư
04/2008-11/2010	Công ty TNHH GES Việt Nam	Kỹ sư
11/2010-12/2012	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Giám đốc trung tâm
01/2013-06/2014	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Trợ lý Giám đốc Công ty
07/2014- Nay	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Phó Giám đốc Công ty

14) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty

15) Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

16) Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

• Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

• Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

17) Hành vi vi phạm pháp luật : Không

18) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

19) Các khoản nợ đối với Công ty : Không

20) Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

• Ông Yoshiaki Ikeda – Phó Giám đốc

1) Họ và tên: **Yoshiaki Ikeda** Giới tính: Nam

2) Ngày tháng năm sinh: 22/07/1948

3) Số chứng minh thư nhân dân: TZ0533764

Ngày cấp: 07/12/2007 Nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội, Việt Nam

4) Nơi sinh: Nhật Bản

5) Quốc tịch: Nhật Bản

6) Dân tộc: Nhật Bản

7) Quê quán: Nhật Bản

8) Địa chỉ thường trú: Nhật Bản

9) Chỗ ở hiện tại: Nhật Bản

10) Trình độ văn hoá:

11) Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

12) Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2012 - nay	Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	Phó Giám đốc

13) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Giám đốc Công ty

14) Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

15) Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

• Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

• Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

16) Hành vi vi phạm pháp luật : Không

17) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

18) Các khoản nợ đối với Công ty : Không

19) Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không có

• **Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm – Kế toán trưởng**

1) Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Thắm** Giới tính: Nữ

2) Ngày tháng năm sinh: 11/04/1979

3) Số chứng minh thư nhân dân: 090688800

Ngày cấp: 18/05/2016 Nơi cấp: CA Tỉnh Thái Nguyên

4) Nơi sinh: Bệnh Viện Phở Yên, Thái Nguyên

5) Quốc tịch: Việt Nam

6) Dân tộc: Kinh

7) Quê quán: Xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

8) Địa chỉ thường trú: Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, Thái Nguyên

9) Chỗ ở hiện tại: Phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, Thái Nguyên

10) Số điện thoại liên lạc: 0988359640

11) Trình độ văn hoá: 12/12

12) Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

13) Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
10/2001-11/2003	Công ty cổ phần cơ khí Phở Yên	Nhân viên kế toán

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
12/2003-06/2014	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Phó phòng kế toán
07/2014- Nay	Công ty cổ phần cơ khí Phổ Yên	Kế toán trưởng

14) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

15) Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

16) Số cổ phần nắm giữ : 5.000 cổ phần

• Sở hữu cá nhân : 5.000 cổ phần

• Đại diện sở hữu : 0 cổ phần

17) Hành vi vi phạm pháp luật : Không

18) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

19) Các khoản nợ đối với Công ty : Không

20) Những người có liên quan có nắm giữ cổ phiếu: Không

#### 4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Để đạt được mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra Hội đồng quản trị đã nhanh chóng triển khai các biện pháp tăng cường quản trị Công ty. Cụ thể là:

- Ban hành quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định mới của Luật doanh nghiệp năm 2014 và các quy định hiện hành.

- Hoàn thiện định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 05 năm tới; xác định rõ định hướng ngành nghề để xây dựng chiến lược đầu tư, chiến lược kinh doanh dịch vụ đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty; xác định giá trị cốt lõi của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

- Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý, quản trị công ty tuân theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/06/2017 về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng nhằm tăng cường hiệu lực hoạt động của bộ máy, nâng cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị.

- Chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đảm bảo cho các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ được thực thi trong toàn Công ty.

- Triển khai mạnh mẽ các giải pháp tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp; hoàn thiện và áp dụng các quy trình, phương thức quản trị doanh nghiệp thật sự khoa học, tinh gọn đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý.

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nhân tài và tạo sự

gắn bó của người lao động đối với Công ty.

- Tiếp tục chỉ đạo ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin phục vụ quản lý.

## V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà số 165 Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6 2670491/92/93

Fax: (84-4) 6 2670494

Website: <http://vae.com.vn>

## VI. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục 01:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. **Phụ lục 02:** BCTC kiểm toán 2016; BCTC quý II/2017

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 10 năm 2017

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN  
GIÁM ĐỐC**



**HÀ THẾ DŨNG**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VŨ ĐỨC TIỀN**